

Chính sách tài chính phát triển khoa học - công nghệ: Kinh nghiệm các nước và bài học cho Việt Nam

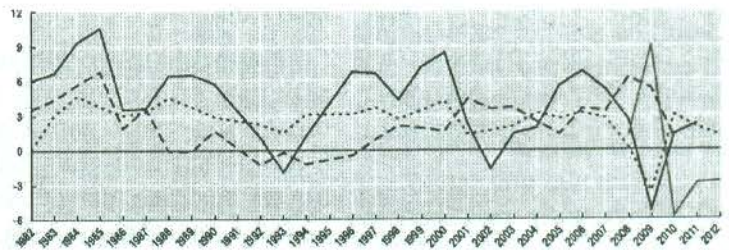
TS. Lê Thị Thanh Huyền*

Ths. Nguyễn Như Dương**

Hầu hết các nước đều coi trọng việc phát triển khoa học và công nghệ (KHCN), coi phát triển KHCN là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội. Kinh nghiệm của các nước cho thấy để phát triển lĩnh vực này các nước thường tăng cường và huy động tối đa các nguồn lực đầu tư; áp dụng chính sách ưu đãi thuế (thuế TNDN, thuế TNCN, thuế xuất nhập khẩu...), hỗ trợ nguồn vốn với lãi suất ưu đãi đối với những dự án phát triển KHCN... Đây là những bài học kinh nghiệm để Việt Nam học tập nhằm phát triển KHCN trong thời gian tới.

Tăng cường đầu tư cho KHCN

Nhằm phát triển KHCN thì Chính phủ các quốc gia trên thế giới thường giành ưu thế ngân sách cho KHCN. Trong năm 2012, Chính phủ các nước OECD bình quân đầu tư tương đương với 0,8% GDP trong năm tài trợ trực tiếp của đầu tư và phát triển với tỷ lệ hơn 1% GDP. Tổng đầu tư của Hàn Quốc cho KHCN là khoảng 46,5 tỷ USD, trong đó nhà nước đầu tư 13,2 tỷ USD (chiếm 28,3%). Phần kinh phí còn lại thuộc về các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp. Các công ty như Samsung, LG, Hyundai, Posco... cũng đầu tư cho phát triển KHCN; Trung Quốc năm 2010 là 2,2% GDP...



Nguồn: <http://www.oecd-ilibrary.org/docserver/download/9213051e.pdf?expires=1440746828&id=id&accname=guest&checksum=90AE8592C5D893D9E8465F87B446BFAF>

—: Chi phí nghiên cứu – phát triển của các doanh nghiệp
 ---: Hỗ trợ của Chính phủ cho chi phí đầu tư phát triển của doanh nghiệp (thông qua ưu đãi thuế)
 —: Chi NSNN cho đầu tư – phát triển
: GDP

Trong thời gian qua tuy tỷ lệ đầu tư cho KHCN từ ngân sách nhà nước tính trên GDP của Việt Nam là 0,5% (trong đó chi thường xuyên của NSNN cho KHCN là khoảng gần 0,2%), không thấp so với bình quân chung thế giới, nhưng mức đầu tư của xã hội và doanh nghiệp ngoài nhà nước cho KHCN còn

thấp, khoảng 0,3% GDP. Như vậy, tổng đầu tư của Việt Nam cho KHCN vẫn dưới 1% GDP. Điều này cho thấy trong thời gian tới ngoài vốn từ NSNN duy trì ở mức 0,2% ngân sách cho KHCN thì cần có cơ chế để thúc đẩy đầu tư nguồn ngoài ngân sách, từ đó tạo ra một nguồn lực đủ lớn để phát triển KHCN.

*Viện chiến lược

**Ngân hàng Công thương

Thực hiện ưu đãi thuế đối với KHCN

Hầu hết các quốc gia đều có chính sách ưu đãi thuế TNDN đặc thù cho các doanh nghiệp có hoạt động KHCN. Mặc dù mỗi nước có một chính sách khuyến khích riêng phù hợp với điều kiện của từng nước nhưng nhìn chung các nước đều theo xu hướng hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp để khuyến khích phát triển KHCN mà ít nước thông qua hình thức gián tiếp như Quỹ KHCN trong doanh nghiệp. Một số nước đã dành nhiều chính sách ưu đãi hơn cho các DNNVV để tạo động lực cho các doanh nghiệp này thực hiện nghiên cứu và phát triển (như Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc...); có chính sách ưu đãi thuế đối với các trung tâm, vườn ươm, công viên KHCN nhằm tập trung nguồn lực, khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu và phát triển. Một số nước tập trung ưu đãi thuế đối với những lĩnh vực trọng điểm có tính chất chiến lược. Một số hình thức ưu đãi cụ thể được áp dụng là:

Thực hiện hỗ trợ các doanh nghiệp trong nghiên cứu phát triển thông qua cho phép khấu trừ bổ sung: Đây là cơ chế cho phép khấu trừ chi phí nghiên cứu và phát triển từ thu nhập chịu thuế ở mức cao hơn mức thực chi (Trung Quốc: 150%; Ấn Độ: 200%, 125-200%; Nga: 250%, Thái Lan: 200%, Brazil: 160%; Croatia (3 mức): 250% - 200% - 175%; Nam Phi: 150%, Singapore: 200%).

Hỗ trợ các doanh nghiệp cho nghiên cứu phát triển thông qua chính sách giảm nghĩa vụ

thuế (tax credits - % trên tổng chi phí nghiên cứu và phát triển): Nhật Bản từ 8-10%, Ca-na-da là 15%; Bồ Đào Nha là 32,5%; Mỹ là 14 - 20%; Anh là 10%;

Miễn giảm thuế TNDN đối với những dự án phát KHCN: như Thái Lan cho miễn thuế 8 năm đối với dự án đầu tư trong đổi mới khoa học công nghệ, trong nghiên cứu và phát triển (R&D) của các doanh nghiệp hay viện nghiên cứu, ngoài ra còn được giảm 50% thuế TNDN trong 5 năm tiếp theo đối với phòng thí nghiệm, công nghệ sinh học,...; Hàn Quốc cho phép các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực công nghệ cao được miễn 100% thuế TNDN trong thời gian 5 năm, kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và giảm 50% thuế TNDN cho 2 năm tiếp theo.

Ưu đãi cao hơn đối với các DNNVV: Từ 1/1/2013, Pháp đã thực hiện các chính sách ưu đãi thuế mới được gọi là "Tín dụng thuế đối với đổi mới - Innovation Tax Credit" đối với ngành công nghiệp hạ nguồn (downstream), chỉ áp dụng cho các DNNVV, giảm nghĩa vụ thuế đối với các nguyên mẫu hoặc sản phẩm thử nghiệm là 20% và tổng số chi phí được giảm trừ không vượt quá 400.000 EUR/năm; Các DNNVV ở Nhật Bản (là những doanh nghiệp có vốn dưới 100 triệu JPY) được giảm nghĩa vụ thuế là 12% tổng chi phí nghiên cứu phát triển; đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn hơn thì mức này 8% - 10%;

Ưu đãi đối với các trung tâm, vườn ươm, công viên, đại

học khoa công nghệ: Nhằm tập trung nguồn lực để nghiên cứu phát triển lĩnh vực KHCN, một số nước đã thành lập các trung tâm, công viên, vườn ươm KHCN..., và sử dụng ưu đãi thuế như miễn, giảm thuế TNDN trong một khoảng thời gian nhất định... (Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan...).

Thu nhập của cá nhân có trình độ chuyên môn cao làm việc trong lĩnh vực KHCN ở một số nước cho phép giảm hoặc miễn thuế đối với thu nhập này (Thổ Nhĩ Kỳ, Hàn Quốc,...). Quy định cụ thể về chính sách thuế TNCN đối với lao động làm việc trong khu kinh tế, khu công nghệ cao và nguồn nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực KHCN của một số nước cụ thể như: Hàn Quốc: Cho phép miễn thuế TNCN trong 5 năm; giảm 50% trong 2 năm tiếp theo cho lao động làm việc trong khu công nghệ cao; miễn thuế TNCN trong 3 năm và giảm 50% trong 2 năm tiếp cho lao động làm việc trong khu công nghiệp. Ngoài ra còn miễn TNCN trong 5 năm cho các chuyên gia nước ngoài phục vụ R&D trong lĩnh vực công nghiệp (trong danh sách được Nhà nước quy định). Ở một số nước tuy không xếp vào nhóm thu nhập được miễn thuế song cũng có quy định cho phép áp dụng mức giảm trừ bổ sung khi xác định thu nhập chịu thuế của người lao động có trình độ cao làm việc trong lĩnh vực KH&CN (ví dụ như Bỉ, Brazil, Bruney, Thái Lan...). Đây cũng là phương thức để gián tiếp giảm nghĩa vụ thuế TNCN cho các lao động có trình độ cao làm việc trong lĩnh vực KH&CN.

Đối với những hàng hóa, nguyên vật liệu nhập khẩu dùng cho nghiên cứu KHCN ở nhiều nước cho phép miễn thuế nhập khẩu nếu đáp ứng một số điều kiện đưa ra cụ thể:

Nhật Bản: cho phép miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học (những sản phẩm mới được phát minh hoặc khó sản xuất tại Nhật Bản) hoặc phim (triển lãm), slide, bản thu âm, băng (sử dụng với mục đích ghi âm) hoặc các sản phẩm tương tự khác được nhập khẩu phục vụ mục đích giáo dục.

Hàn Quốc: Giảm thuế hoặc miễn thuế đối với các hàng hóa vì mục đích nghiên cứu giảng dạy. Tỷ lệ miễn giảm cụ thể do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định. Đối tượng gồm: 1. Hàng hoá phục vụ cho các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương, các thể chế khác theo quy định của Bộ Tài chính về mục tiêu nghiên cứu khoa học, giáo dục, thực nghiệm và hướng nghiệp. 2. Mô hình, tài liệu tham khảo, sách, băng đĩa, băng ghi hình, các mẫu trình chiếu, phim ảnh và các hàng hoá vật liệu khác tương tự được sử dụng cho các trường học, bệnh viện công, các trường đào tạo nghề công, bảo tàng và các tổ chức tương tự theo quy định của Bộ Tài chính. 3. Hàng được quy định tại Quyết định của Bộ Tài chính được sử dụng cho các tổ chức như đã nêu tại mục 2 vì mục đích nghiên cứu khoa học, giáo dục, đào tạo, hướng nghiệp và thực nghiệm, nghiên cứu KHCN; 4. Hàng hoá viện trợ bởi nước ngoài vì các mục tiêu nêu trên; 5. Hàng hoá

theo quy định của Bộ Tài chính vì mục tiêu nghiên cứu và phát triển công nghệ công nghiệp.

Úc: hàng hóa nhập khẩu vì mục đích khoa học có thể được miễn thuế nếu hàng hóa đó đáp ứng các điều kiện quy định tại Mục 1 của Bảng kê 4 của Biểu thuế Hải quan cụ thể như sau: Hàng hóa được quy định theo Luật là các công cụ hoặc bộ dụng cụ khoa học là Phụ lục D của Hiệp định về Tài liệu Giáo dục, Khoa học và Văn hóa hoặc Phụ lục D của Nghị định thư về Tài liệu Giáo dục, Khoa học và Văn hóa hoặc hàng hóa có bản chất khoa học được đưa vào Hiệp định hoặc Thỏa thuận giữa Chính phủ Úc và Chính phủ của một nước khác hoặc các nước khác hợp tác trong lĩnh vực KHCN. Để có đủ điều kiện ưu đãi thuế, người nhập khẩu phải chứng minh được hàng hóa thuộc một trong 2 điều kiện nêu trên.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển KHCN, chính sách thuế đã được sửa đổi, bổ sung nhằm khuyến khích phát triển KHCN thông qua miễn thuế, giảm thuế và ưu đãi thuế suất và thời gian miễn, giảm thuế ở mức cao. Theo quy định của Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thì chính sách ưu đãi thuế TNDN áp dụng đối với lĩnh vực KHCN bao gồm miễn thuế, giảm thuế; ưu đãi về thuế suất, về thời gian miễn, giảm thuế và cho phép doanh nghiệp trích lập Quỹ phát triển KHCN tại doanh nghiệp; thực hiện giảm 50% số thuế TNCN cho cá nhân làm việc trong khu kinh tế; lĩnh vực

sản xuất sản phẩm công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin; sử dụng công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại, bảo vệ môi trường sinh thái; nghiên cứu, phát triển và ương tạo công nghệ cao; đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D) chiếm 25% doanh thu trở lên thuộc Phụ lục I – Danh mục lĩnh vực được hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu ban hành kèm theo Nghị định số 87/2010/NĐ-CP. Theo đó, các dự án đầu tư vào lĩnh vực này được hưởng ưu đãi về thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 6, khoản 8, khoản 14 Điều 12 Nghị định số 87/2010/NĐ-CP. Ngoài ra còn ưu đãi thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; tiền thuê đất, thuê mặt nước và tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ...

Tuy nhiên, trên thực tế triển khai cho thấy vẫn còn một số vấn đề đặt ra gây khó khăn trong việc áp dụng những ưu đãi thuế và lệ phí trong lĩnh vực này như việc định nghĩa hoặc hướng dẫn cụ thể đối với lĩnh vực KHCN là chưa được cụ thể; việc xác định thời điểm để ưu đãi đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và dự án ứng dụng công nghệ cao; việc ưu đãi thuế TNCN đối với nguồn nhân lực trong lĩnh vực KHCN mới chủ yếu trong khu kinh tế mà chưa có chính sách ưu đãi đối với cá nhân có trình độ chuyên môn cao vào làm việc trong ngành KHCN...

Thực hiện ưu đãi tín dụng trong lĩnh vực KHCN

Nhằm khuyến khích phát triển KHCN, Chính phủ các nước ngoài việc tăng cường chi

và hỗ trợ bằng nguồn vốn ngân sách cho lĩnh vực này còn thực hiện hỗ trợ tín dụng với lãi suất ưu đãi đối với những dự án đổi mới KHCN, hỗ trợ các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa) trong quá trình đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất. Kinh nghiệm các nước (Trung Quốc, Nhật Bản, Phillipin) cho thấy, chính sách ưu đãi TĐĐT thông qua NHPT (NHPT Trung Quốc - CDB, NHPT Nhật Bản - DBJ, NHPT Philippin - DBP) cũng được sử dụng để đầu tư phát triển các trong lĩnh vực KHCN, đặc biệt trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng và nông thôn. Các ngành nghề, lĩnh vực được thụ hưởng chính sách tín dụng ưu đãi bao gồm các lĩnh vực: Kết cấu hạ tầng; nông nghiệp nông thôn; công nghiệp và các dự án đầu tư tại các vùng khó khăn; các dịch vụ xã hội và sự phát triển của cộng đồng; các dự án về môi trường, giảm phát thải.

Chính phủ Nhật Bản cấp những khoản vay với lãi suất thấp (lãi suất thấp hơn so với lãi suất của các ngân hàng thương mại) cho các DNNVV thông qua các ngân hàng phục vụ chính sách với điều kiện các doanh nghiệp dùng số vốn đó phát triển công nghệ mới, thuê trang thiết bị, nâng cấp công suất vận hành của máy móc từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm. Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, cho vay đối với các ngành sản xuất mới mang tính chiến lược, ngành nghề chế tạo tiên tiến, và các ngành nghề tiềm năng mang tính chiến lược (như công ty thông tin liên lạc, trung tâm nghiên cứu gen, vi mạch

điện tử) là một trong những lĩnh vực trọng tâm cấp vốn của NHPT Trung Quốc (CDB).

Ở Việt Nam, chính sách cho vay TĐĐT thông qua NHPT được thực hiện theo Nghị định 75/2011/NĐ-CP (trước đó là Nghị định 151/2006/NĐ-CP, Nghị định 106/2008/NĐ-CP) và Nghị định 54/2013/NĐ-CP. Vốn TĐĐT của Nhà nước tăng trưởng khá nhanh với mức dư nợ trên 110.091 tỷ đồng vào cuối năm 2012, bình quân tăng 17%/năm trong giai đoạn 2006-2012, cao gấp 2,4 lần so với thời điểm 2006, trong đó 78% dư nợ tập trung trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng; và 22% dư nợ dành cho các lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp, giao thông vận tải, thông tin liên lạc... Giai đoạn 2006-2014, vốn TĐĐT đã được tập trung hỗ trợ các ngành nghề trọng điểm; đầu tư trên địa bàn khó khăn, thực hiện các chủ trương của Chính phủ về xã hội hóa y tế, giáo dục, nhà ở, bảo vệ môi trường, đáp ứng cho nhu cầu phát triển của nền kinh tế, hoàn thành các nhiệm vụ đột xuất, đặc thù theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ... Tuy nhiên, đối với lĩnh vực KHCN chưa tiếp cận được nhiều đối với nguồn vốn vay này.

Bài học cho Việt Nam

Tại Quyết định số 418/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2011-2020 đã khẳng định mục tiêu phát triển KHCN là phát triển đồng bộ khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ; đưa KHCN thực sự trở thành động lực then chốt, đáp ứng các yêu

cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đến năm 2020, KHCN Việt Nam có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của khu vực ASEAN và thế giới. Để đạt được kết quả đó, qua kinh nghiệm của các nước cũng như thực trạng của Việt Nam cần phải tập trung vào các giải pháp sau: (1) Sử dụng hiệu quả nguồn NSNN thông qua việc đầu tư có trọng điểm và chỉ là vốn môi không đầu tư tràn lan; (2) Rà soát lại chính sách thuế đối với lĩnh vực KHCN nhằm nâng cao tính hiệu quả, hiệu lực và khả thi của các ưu đãi, đồng thời đề xuất những chính sách ưu đãi mới trong lĩnh vực này; (3) Tạo điều kiện cho các dự án đầu tư vào KHCN trong việc tiếp cận nguồn vốn tín dụng ưu đãi; (4) Tận dụng hợp tác quốc tế để đầu tư cho KHCN kể cả các doanh nghiệp FDI, nguồn vốn ODA và hợp tác quốc tế, khu vực...

Tài liệu tham khảo:

<http://download.pwc.com/ie/pubs/global-rd-incentives.pdf>

<http://download.pwc.com/ie/pubs/global-rd-incentives.pdf>

Incubators and University Science Parks

Thailand science park

Korean taxation - 2014